

— Nghiên cứu trình hoặc được ủy nhiệm ban hành và hướng dẫn thi hành hệ thống chính sách, chế độ, thể lệ, tiêu chuẩn, quy phạm, định mức, đơn giá, chỉ tiêu kinh tế—kỹ thuật bảo đảm thực hiện cùng một cơ chế, luật lệ chung trong xây dựng cơ bản.

— Dự báo phát triển, lập các kế hoạch và tổ chức việc nghiên cứu khoa học kỹ thuật xây dựng và ứng dụng những thành tựu khoa học và tiến bộ kỹ thuật vào xây dựng, kể cả việc quản lý hợp tác quốc tế về khoa học kỹ thuật trong xây dựng.

— Thực hiện các chính sách cán bộ, quy định các chức danh và tiêu chuẩn cán bộ, quy hoạch và kế hoạch hóa việc đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ làm công tác quản lý kinh tế và kỹ thuật xây dựng.

— Tiến hành công tác thanh tra và giám định Nhà nước đối với toàn bộ công tác xây dựng cơ bản, từ chuẩn bị đầu tư, thiết kế, khảo sát, thực hiện xây dựng và nghiệm thu, bàn giao công trình.

— Chỉ đạo, kiểm tra, hướng dẫn và phối hợp hoạt động cũng như xử lý những việc ngoài khả năng tự giải quyết của đơn vị kinh tế cơ sở trong việc thực hiện những nhiệm vụ và chỉ tiêu kế hoạch pháp lệnh của Nhà nước; bảo đảm quyền tự chủ trong sản xuất kinh doanh của đơn vị kinh tế cơ sở.

Bộ Xây dựng chịu trách nhiệm nghiên cứu cụ thể hóa việc phân công, phân cấp thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về xây dựng cơ bản trình Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng ban hành.

T.M. Hội đồng Bộ trưởng
Quyền Chủ tịch
VÕ VĂN KIẾT

**NGHỊ ĐỊNH của Hội đồng Bộ trưởng
số 85-HDBT ngày 13-5-1988
ban hành Điều lệ về khiếu nại
công nghiệp.**

HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng Bộ trưởng
ngày 4 tháng 7 năm 1981;

Căn cứ Nghị định số 35-CP ngày 9-2-1981 quy định nhiệm vụ, quyền hạn trách nhiệm của Bộ trưởng và chức năng của Bộ trong một số lĩnh vực Nhà nước;

Đề tăng cường công tác tổ chức và quản lý hoạt động sở hữu công nghiệp;

Theo đề nghị của Chủ nhiệm Ủy ban Khoa học và kỹ thuật Nhà nước,

NGHỊ ĐỊNH :

Điều 1. — Nay ban hành kèm theo Nghị định này bản Điều lệ về khiếu nại công nghiệp.

Điều 2. — Bản Điều lệ này có hiệu lực kể từ ngày ký. Những quy định trước đây trái với Điều lệ này đều bị bãi bỏ.

Điều 3. — Bộ trưởng các Bộ, Chủ nhiệm các Ủy ban Nhà nước, Thủ trưởng các cơ quan khác thuộc Hội đồng Bộ trưởng và Chủ tịch Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố, đặc khu trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

T.M. Hội đồng Bộ trưởng
Quyền Chủ tịch
VÕ VĂN KIẾT

ĐIỀU LỆ về khiếu nại công nghiệp
(ban hành kèm theo Nghị định số 85-HDBT ngày 13-5-1988 của Hội đồng Bộ trưởng).

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. —

1. Điều lệ này được ban hành nhằm khuyến khích các cơ quan, xí nghiệp Nhà nước, các xí nghiệp công tư hợp doanh, các tổ chức kinh tế tập thể xã hội chủ nghĩa (sau đây gọi là các cơ quan, đơn vị) và mọi công dân nghiên cứu tạo ra và sử dụng rộng rãi các kiểu dáng công nghiệp mới trong việc chế tạo các sản phẩm nhằm đáp ứng tốt hơn các nhu cầu về đời sống vật chất và văn hóa của toàn xã hội.

2. Điều lệ này xác lập và bảo hộ các quyền liên quan đến việc tạo ra và sử dụng kiểu dáng công nghiệp.

Điều 2. —

1. Kiểu dáng công nghiệp là hình dáng bên ngoài của sản phẩm, được thể hiện bằng các đường nét, hình khối, màu sắc hoặc sự kết hợp các yếu tố trên và có thể dùng làm mẫu để chế tạo sản phẩm công nghiệp hoặc thủ công nghiệp.

2. Điều lệ này chỉ bảo hộ những kiểu dáng công nghiệp mới.

Điều 3. — Kiểu dáng công nghiệp được công nhận là mới nếu trước ngày ưu tiên của đơn đăng ký (theo quy định ở điều 7), kiểu dáng công nghiệp đó:

a) Khác biệt cơ bản với những kiểu dáng công nghiệp tương tự đã biết ở trong và ngoài nước;

b) Chưa được bộc lộ công khai ở bất cứ đâu, dưới hình thức mô tả, sử dụng hoặc bất kỳ hình thức nào khác.

Điều 4. — Các đối tượng dưới đây không được bảo hộ theo Điều lệ này:

a) Kiểu dáng các công trình xây dựng công nghiệp hoặc dân dụng;

b) Kiểu dáng các sản phẩm không nhìn thấy được trong quá trình sử dụng;

c) Kiểu dáng các sản phẩm do chức năng của sản phẩm quyết định hoặc chỉ nhằm giải quyết một nhiệm vụ kỹ thuật;

d) Kiểu dáng các sản phẩm chỉ có giá trị thẩm mỹ;

e) Các kiểu dáng công nghiệp trái với trật tự công cộng và đạo đức xã hội chủ nghĩa.

Điều 5. —

1. Cá nhân hoặc pháp nhân nước ngoài được hưởng các quyền quy định trong Điều lệ này như công dân hoặc pháp nhân Việt Nam trên nguyên tắc bình đẳng, có đi, có lại và phù hợp với các Điều ước quốc tế mà Việt Nam tham gia.

2. Cá nhân hoặc pháp nhân nước ngoài muốn được bảo hộ kiểu dáng công nghiệp ở Việt Nam phải thông qua người đại diện được các cơ quan có thẩm quyền của

Nhà nước cho phép hoạt động và được Cục Sáng chế chấp nhận.

Chương II

BẢO HỘ KIỂU DÁNG CÔNG NGHIỆP

Điều 6. — Nhà nước bảo hộ pháp lý các kiểu dáng công nghiệp dưới hình thức cấp giấy chứng nhận kiểu dáng công nghiệp cho cá nhân hoặc pháp nhân nộp đơn đăng ký kiểu dáng công nghiệp của mình theo quy định của Điều lệ này.

Giấy chứng nhận kiểu dáng công nghiệp xác nhận quyền ưu tiên đối với kiểu dáng công nghiệp, tác giả của kiểu dáng công nghiệp, chủ của kiểu dáng công nghiệp và độc quyền sử dụng của chủ kiểu dáng công nghiệp.

Điều 7. — Quyền ưu tiên đối với đơn đăng ký kiểu dáng công nghiệp được xác định theo ngày ưu tiên. Ngày ưu tiên là:

1. Ngày nộp đơn đăng ký hợp lệ tại Cục Sáng chế — Ủy ban Khoa học và kỹ thuật Nhà nước.

2. Ngày nộp đơn đăng ký đầu tiên ở một nước khác trên cơ sở của Điều ước quốc tế về bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp mà Việt Nam tham gia.

3. Ngày bắt đầu trưng bày kiểu dáng công nghiệp tại một cuộc triển lãm quốc tế chính thức hoặc được công nhận là chính thức tổ chức trên lãnh thổ của bất kỳ nước thành viên nào của Công ước Pa-ri về bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp, nếu đơn đăng ký kiểu dáng công nghiệp được nộp trong thời hạn 6 tháng tính từ ngày kiểu dáng công nghiệp được trưng bày tại triển lãm.

Điều 8. —

1. Tác giả kiểu dáng công nghiệp là người đã tạo ra kiểu dáng công nghiệp bằng chính lao động sáng tạo của mình.

2. Nếu kiểu dáng công nghiệp do nhiều người cùng tạo ra thì những người này được công nhận là đồng tác giả của kiểu dáng công nghiệp.

3. Không thừa nhận là đồng tác giả những người chỉ giúp tác giả về mặt kỹ thuật trong quá trình tạo ra kiểu dáng công nghiệp (chuẩn bị bản vẽ hay ảnh chụp, trình bày tư liệu, chế tạo vật mẫu v.v...).

Điều 9. — Chủ kiểu dáng công nghiệp là cá nhân hoặc pháp nhân được cấp giấy chứng nhận kiểu dáng công nghiệp.

Điều 10. —

1. Đơn đăng ký kiểu dáng công nghiệp do tác giả hoặc người thừa kế hợp pháp của tác giả làm và nộp cho Cục Sáng chế — Ủy ban Khoa học và kỹ thuật Nhà nước.

2. Đối với những kiểu dáng công nghiệp được tạo ra trong phạm vi trách nhiệm của tác giả khi thực hiện những nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị hoặc đối với những kiểu dáng công nghiệp được tạo ra nhờ sự giúp đỡ của cơ quan, đơn vị (sau đây gọi tắt là kiểu dáng công nghiệp công vụ) thì cơ quan, đơn vị có quyền nộp đơn đăng ký kiểu dáng công nghiệp đó. Tác giả của những kiểu dáng công nghiệp công vụ có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho cơ quan, đơn vị về kiểu dáng công nghiệp do mình tạo ra.

Nếu sau 2 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của tác giả mà cơ quan, đơn vị không nộp đơn đăng ký theo quy định thì tác giả có quyền nộp đơn đăng ký kiểu dáng công nghiệp đó.

3. Đối với những kiểu dáng công nghiệp được tạo ra khi thực hiện hợp đồng nghiên cứu triển khai khoa học kỹ thuật thì quyền nộp đơn đăng ký thuộc về bên đã tạo ra kiểu dáng công nghiệp đó nếu trong hợp đồng không có thỏa thuận nào khác.

4. Đối với những kiểu dáng công nghiệp được tạo ra ở các đơn vị kinh tế cá thể, kinh tế tư doanh thì quyền nộp đơn đăng ký thuộc về tác giả nếu trong hợp đồng lao động không có thỏa thuận nào khác.

5. Người nộp đơn đăng ký kiểu dáng công nghiệp phải nộp lệ phí nộp đơn đăng ký kiểu dáng công nghiệp (lệ phí nộp đơn).

Điều 11. — Tác giả kiểu dáng công nghiệp (kể cả tác giả kiểu dáng công nghiệp nêu ở mục 3, điều 10) có thể trao cho một cá nhân hoặc pháp nhân có nhu cầu sử dụng kiểu dáng công nghiệp của mình quyền nộp đơn đăng ký kiểu dáng công nghiệp.

Điều 12. — Các cơ quan, đơn vị hoặc cá nhân có thể nộp đơn đăng ký kiểu dáng công nghiệp của mình ở nước ngoài sau khi đã nộp đơn đăng ký kiểu dáng công nghiệp đó ở Việt Nam và phải có sự chấp thuận của Cục Sáng chế — Ủy ban Khoa học và kỹ thuật Nhà nước.

Điều 13. —

1. Thời hạn hiệu lực của giấy chứng nhận kiểu dáng công nghiệp là 5 năm kể từ ngày ưu tiên của đơn đăng ký. Chủ kiểu dáng công nghiệp phải nộp lệ phí đăng bạ kiểu dáng công nghiệp (lệ phí đăng bạ).

2. Thời hạn nêu ở mục 1 trên đây có thể được kéo dài thêm nhiều nhất là 2 chu kỳ liên tiếp, mỗi chu kỳ 5 năm nếu chủ kiểu dáng công nghiệp nộp đơn xin gia hạn hiệu lực và nộp lệ phí liên quan đến việc gia hạn hiệu lực.

3. Lệ phí đăng bạ và lệ phí gia hạn hiệu lực giấy chứng nhận kiểu dáng công nghiệp nêu ở mục 1 và 2 trên đây cũng như các khoản lệ phí khác liên quan đến việc nộp đơn đăng ký, công bố kiểu dáng công nghiệp... được quy định trong văn bản hướng dẫn thi hành Điều lệ này của Ủy ban Khoa học và kỹ thuật Nhà nước.

4. Giấy chứng nhận kiểu dáng công nghiệp sẽ mất hiệu lực trước thời hạn nếu chủ kiểu dáng công nghiệp nộp đơn xin từ bỏ bảo hộ cho Cục Sáng chế — Ủy ban Khoa học và kỹ thuật Nhà nước.

Điều 14. —

1. Trong thời hạn hiệu lực của giấy chứng nhận kiểu dáng công nghiệp:

a) Không ai được sử dụng kiểu dáng công nghiệp nếu không được sự đồng ý của chủ kiểu dáng công nghiệp đó;

b) Chủ kiểu dáng công nghiệp có toàn quyền sử dụng kiểu dáng công nghiệp của

minh trong các hoạt động sản xuất, kinh doanh phù hợp với pháp luật của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

2. Hình thức sử dụng kiểu dáng công nghiệp nêu ở điểm 1 trên đây có thể là:

a) Sản xuất các sản phẩm theo kiểu dáng công nghiệp đó;

b) Nhập khẩu, quảng cáo, bán hoặc sử dụng các sản phẩm chế tạo theo kiểu dáng công nghiệp đó nhằm mục đích sản xuất, kinh doanh.

Điều 15. —

1. Chủ kiểu dáng công nghiệp có thể chuyển giao toàn phần hoặc từng phần quyền sử dụng kiểu dáng công nghiệp của mình cho người khác trên cơ sở hợp đồng chuyển giao quyền sử dụng kiểu dáng công nghiệp. Việc ký kết hợp đồng chuyển giao quyền sử dụng kiểu dáng công nghiệp được thực hiện theo quy định của Nhà nước.

2. Hợp đồng chuyển giao quyền sử dụng kiểu dáng công nghiệp phải được ghi nhận tại Cục Sáng chế — Ủy ban Khoa học và kỹ thuật Nhà nước mới có giá trị pháp lý. Việc ghi nhận nói trên được thực hiện sau khi chủ kiểu dáng công nghiệp nộp lệ phí theo quy định (lệ phí ghi nhận hợp đồng chuyển giao kiểu dáng công nghiệp).

Điều 16. —

1. Trong trường hợp những kiểu dáng công nghiệp có ý nghĩa đặc biệt quan trọng mà chủ kiểu dáng công nghiệp không sử dụng hoặc mức độ sử dụng không đáp ứng nhu cầu của nền kinh tế quốc dân và cơ quan, đơn vị có nhu cầu sử dụng không đạt được sự thỏa thuận với chủ kiểu dáng công nghiệp về việc chuyển giao quyền sử dụng kiểu dáng công nghiệp thì Chủ nhiệm Ủy ban Khoa học và kỹ thuật Nhà nước có thể cấp giấy phép sử dụng cho cơ quan, đơn vị nói trên.

2. Cơ quan, đơn vị được phép sử dụng kiểu dáng công nghiệp nêu ở điểm 1 có trách nhiệm trả cho chủ kiểu dáng công nghiệp một khoản tiền bồi thường trên cơ sở thỏa thuận với chủ kiểu dáng công

nghiệp. Nếu người được phép sử dụng kiểu dáng công nghiệp và chủ kiểu dáng công nghiệp không thỏa thuận được mức tiền bồi thường thì Chủ nhiệm Ủy ban Khoa học và kỹ thuật Nhà nước sẽ quyết định mức tiền bồi thường đó.

Điều 17. —

1. Chủ kiểu dáng công nghiệp có quyền yêu cầu tòa án hoặc cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xử lý những trường hợp xâm phạm quyền sử dụng kiểu dáng công nghiệp của mình.

2. Người có hành động xâm phạm quyền sử dụng kiểu dáng công nghiệp của chủ kiểu dáng công nghiệp phải chấm dứt sự xâm phạm, bồi thường thiệt hại và chịu các hình phạt theo pháp luật của Nhà nước.

Điều 18. — Nếu trước ngày ưu tiên của đơn đăng ký kiểu dáng công nghiệp, cá nhân hoặc pháp nhân nào đã sử dụng hoặc chuẩn bị những điều kiện cần thiết để sử dụng một kiểu dáng công nghiệp đồng nhất với kiểu dáng công nghiệp đã được đăng ký một cách độc lập với người nộp đơn thì vẫn được tiếp tục sử dụng kiểu dáng công nghiệp đó nhưng không được phép mở rộng khối lượng và phạm vi sử dụng.

Chương III

CÁC THỦ TỤC ĐĂNG KÝ, XÉT NGHIỆM, CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN VÀ CÔNG BỐ KIỂU DÁNG CÔNG NGHIỆP

Điều 19. — 1. Mỗi đơn đăng ký kiểu dáng công nghiệp chỉ được sử dụng cho một kiểu dáng công nghiệp và có thể bao gồm một hoặc nhiều phương án thể hiện của kiểu dáng công nghiệp đó.

2. Đơn đăng ký kiểu dáng công nghiệp gồm có:

a) Tờ khai xin cấp giấy chứng nhận kiểu dáng công nghiệp.

b) Bản mô tả kiểu dáng công nghiệp.

c) Ảnh chụp hoặc bản vẽ thể hiện bản chất của kiểu dáng công nghiệp.

d) Giấy chứng nhận phần đóng góp của từng đồng tác giả (nếu kiểu dáng công nghiệp do một tập thể tác giả tạo ra).

e) Chứng từ nộp lệ phí nộp đơn đăng ký kiểu dáng công nghiệp.

3. Nếu đơn đăng ký do người thừa kế hợp pháp của tác giả nộp thì kèm theo đơn đăng ký kiểu dáng công nghiệp phải có giấy chứng nhận quyền thừa kế. Nếu đơn đăng ký kiểu dáng công nghiệp do cơ quan đơn vị được tác giả trao quyền làm và nộp thì phải có giấy xác nhận trao quyền của tác giả.

4. Nếu đơn đăng ký kiểu dáng công nghiệp được nộp thông qua người đại diện thì kèm theo đơn đăng ký phải có giấy ủy nhiệm quyền đại diện của người nộp đơn.

5. Nếu người nộp đơn muốn được hưởng quyền ưu tiên theo quy định ở mục 2, điều 7 thì phải kèm theo đơn đăng ký một bản đề nghị làm theo mẫu quy định và trong thời hạn 3 tháng kể từ ngày nộp đơn phải gửi cho Cục Sáng chế một bản sao đơn đầu tiên có xác nhận của cơ quan sở hữu công nghiệp nước nhận đăng ký.

6. Nếu người nộp đơn đăng ký kiểu dáng công nghiệp muốn được hưởng quyền ưu tiên triển lãm (mục 3, điều 7) thì kèm theo đơn đăng ký phải có bản đề nghị làm theo mẫu quy định và giấy chứng nhận của Ban Tổ chức triển lãm.

Điều 20. —

1. Trong thời hạn nhiều nhất là 3 tháng kể từ ngày nhận đơn đăng ký kiểu dáng công nghiệp, Cục Sáng chế phải tiến hành xem xét đơn theo các yêu cầu quy định ở điều 4 và điều 19 của Điều lệ này. Nếu đơn đăng ký đáp ứng các yêu cầu quy định, Cục Sáng chế sẽ xác nhận ngày ưu tiên và công bố kiểu dáng công nghiệp trong thông báo chính thức của Cục Sáng chế — Ủy ban Khoa học và kỹ thuật Nhà nước.

2. Nếu đơn đăng ký không đáp ứng yêu cầu quy định, Cục Sáng chế sẽ không chấp

nhận đơn và thông báo cho người nộp đơn có nêu rõ lý do.

3. Trong quá trình xem xét đơn đăng ký kiểu dáng công nghiệp, Cục Sáng chế có thể yêu cầu người nộp đơn bổ sung, sửa chữa những thiếu sót trong đơn. Nếu trong thời hạn 3 tháng kể từ ngày nhận được thông báo, người nộp đơn không thực hiện yêu cầu của Cục Sáng chế thì đơn đăng ký coi như không nộp.

4. Người nộp đơn đăng ký kiểu dáng công nghiệp phải nộp lệ phí công bố kiểu dáng công nghiệp theo quy định (lệ phí công bố kiểu dáng công nghiệp).

Điều 21. —

1. Trong thời hạn 6 tháng kể từ ngày công bố kiểu dáng công nghiệp, bất cứ ai cũng có thể gửi cho Cục Sáng chế — Ủy ban Khoa học và kỹ thuật Nhà nước đơn phản đối việc cấp giấy chứng nhận kiểu dáng công nghiệp, có nêu rõ lý do.

2. Nếu thời hạn quy định ở mục 1 trên đây không có đơn phản đối, Cục Sáng chế sẽ cấp giấy chứng nhận kiểu dáng công nghiệp cho người nộp đơn.

3. Trường hợp có đơn phản đối, Cục Sáng chế sẽ thông báo cho người nộp đơn đăng ký kiểu dáng công nghiệp những lý do phản đối và yêu cầu người nộp đơn trong thời hạn 3 tháng phải trình bày ý kiến của mình. Nếu lý do phản đối không xác đáng, Cục Sáng chế sẽ cấp giấy chứng nhận kiểu dáng công nghiệp cho người nộp đơn.

4. Trường hợp không cấp giấy chứng nhận kiểu dáng công nghiệp cho người nộp đơn, Cục Sáng chế sẽ thông báo cho người nộp đơn, có nêu rõ lý do.

5. Những kiểu dáng công nghiệp đã được cấp giấy chứng nhận kiểu dáng công nghiệp sẽ được ghi nhận vào sổ đăng bạ kiểu dáng công nghiệp quốc gia và công bố trong thông báo chính thức của Cục Sáng chế — Ủy ban Khoa học và kỹ thuật Nhà nước.

Điều 22. —

1. Trường hợp không đồng ý với lý do không cấp giấy chứng nhận kiểu dáng

công nghiệp (điểm 4, điều 21), trong thời hạn 3 tháng kể từ ngày nhận được thông báo người nộp đơn đăng ký kiểu dáng công nghiệp có quyền khiếu nại với Cục Sáng chế.

2. Trong thời hạn 3 tháng kể từ ngày nhận đơn khiếu nại, Cục Sáng chế có trách nhiệm giải quyết và thông báo kết quả cho người khiếu nại.

3. Nếu không đồng ý với kết quả giải quyết của Cục Sáng chế, người khiếu nại có thể khiếu nại với Ủy ban Khoa học và kỹ thuật Nhà nước. Quyết định của Chủ nhiệm Ủy ban Khoa học và kỹ thuật Nhà nước là quyết định cuối cùng về vấn đề này.

Điều 23. —

1. Trong thời hạn hiệu lực của giấy chứng nhận kiểu dáng công nghiệp, bất cứ cá nhân hay pháp nhân nào cũng có quyền nộp cho Cục Sáng chế đơn đề nghị hủy bỏ hiệu lực của giấy chứng nhận kiểu dáng công nghiệp đó, nếu:

a) Giấy chứng nhận kiểu dáng công nghiệp xác nhận không đúng tác giả;

b) Chủ kiểu dáng công nghiệp không có quyền nhận giấy chứng nhận kiểu dáng công nghiệp;

c) Kiểu dáng công nghiệp được bảo hộ không đáp ứng các quy định nêu ở điều 2, 3 và 4 của Điều lệ này.

Đơn đề nghị hủy bỏ hiệu lực của giấy chứng nhận kiểu dáng công nghiệp phải nêu rõ lý do và người nộp đơn phải nộp lệ phí theo quy định (lệ phí đề nghị hủy bỏ hiệu lực). Bản sao đơn sẽ được gửi cho chủ kiểu dáng công nghiệp để tham khảo.

2. Cục Sáng chế có trách nhiệm giải quyết những đơn đề nghị hủy bỏ hiệu lực của giấy chứng nhận kiểu dáng công nghiệp trong thời hạn 3 tháng kể từ ngày nhận đơn.

3. Nếu không đồng ý với quyết định của Cục Sáng chế, các bên liên quan có thể:

a) Khiếu nại với Ủy ban Khoa học và kỹ thuật Nhà nước — nếu quyết định của Cục Sáng chế liên quan đến lý do nêu ở điểm 1 c trên đây. Quyết định của Chủ

nhiệm Ủy ban Khoa học và kỹ thuật Nhà nước là quyết định cuối cùng về vấn đề này.

b) Khiếu nại với Tòa án nhân dân có thẩm quyền — nếu quyết định của Cục Sáng chế liên quan đến lý do nêu ở các điểm 1.a và 1.b trên đây.

4. Các quyết định về hủy bỏ hiệu lực giấy chứng nhận kiểu dáng công nghiệp sẽ được thông báo trong thông báo chính thức của Cục Sáng chế — Ủy ban Khoa học và kỹ thuật Nhà nước.

Chương IV

CHE ĐỘ KHUYẾN KHÍCH ĐỐI VỚI TÁC GIẢ KIỂU DÁNG CÔNG NGHIỆP

Điều 24. —

1. Cơ quan, đơn vị được cấp giấy chứng nhận kiểu dáng công nghiệp khi sử dụng kiểu dáng công nghiệp có trách nhiệm xác định mức tiền thù lao và trả tiền thù lao cho tác giả kiểu dáng công nghiệp đó. Tiền thù lao trả cho tác giả kiểu dáng công nghiệp lấy từ lợi nhuận để lại cho cơ quan, đơn vị theo tỷ lệ quy định.

2. Nếu kiểu dáng công nghiệp được chuyển giao cho cơ quan, đơn vị khác sử dụng trên cơ sở hợp đồng quy định ở điều 15 của Điều lệ này, thì cơ quan, đơn vị được cấp giấy chứng nhận kiểu dáng công nghiệp trích một tỷ lệ phần trăm số tiền thu được do việc chuyển giao quyền sử dụng kiểu dáng công nghiệp đó để trả thù lao cho tác giả.

3. Tác giả nêu ở điểm 1 và 2 trên đây là:

a) Những người đã tạo ra kiểu dáng công nghiệp công vụ như quy định ở điểm 2, điều 10 của Điều lệ này.

b) Những người đã trao cho cơ quan, đơn vị quyền nộp đơn đăng ký kiểu dáng công nghiệp do mình tạo ra như quy định ở điều 11 của Điều lệ này.

4. Việc xác định mức tiền thù lao và việc trả tiền thù lao cho tác giả được thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính và Ủy ban Khoa học và kỹ thuật Nhà nước.

Điều 25. —

1. Tác giả kiểu dáng công nghiệp có quyền khiếu nại về mức tiền thù lao và thời hạn trả tiền thù lao với thủ trưởng cơ quan, đơn vị là chủ kiểu dáng công nghiệp. Trong thời hạn 1 tháng kể từ khi nhận được khiếu nại, thủ trưởng cơ quan đơn vị phải giải quyết và thông báo kết quả cho người khiếu nại.

2. Nếu người khiếu nại không đồng ý với kết quả giải quyết của thủ trưởng cơ quan, đơn vị thì có thể:

a) Đề nghị lên cơ quan cấp trên xem xét, giải quyết. Thời hạn giải quyết ở mỗi cấp không được quá 1 tháng kể từ ngày nhận đề nghị.

b) Khiếu nại với một Tòa án nhân dân có thẩm quyền.

Điều 26. — Cùng với việc trả thù lao cho tác giả, cơ quan đơn vị quyết định mức thưởng và trả thưởng cho những người hỗ trợ tác giả và những người tổ chức sử dụng kiểu dáng công nghiệp vào sản xuất theo hướng dẫn của Bộ Tài chính và Ủy ban Khoa học và kỹ thuật Nhà nước.

Điều 27. — Thủ trưởng các đơn vị cơ sở và thủ trưởng các ngành, các cấp có thể vận dụng những hình thức thích hợp như cấp giấy khen, bằng khen, trao tặng các danh hiệu vinh dự... để động viên các tác giả của những kiểu dáng công nghiệp có ý nghĩa kinh tế - kỹ thuật lớn và khả năng áp dụng rộng rãi. Tác giả những kiểu dáng công nghiệp xuất sắc sẽ được Hội đồng Bộ trưởng cấp bằng khen hoặc đề nghị trao tặng các danh hiệu vinh dự của Nhà nước.

Chương V**TỔ CHỨC CHỈ ĐẠO CÔNG TÁC KIỂU DÁNG CÔNG NGHIỆP****Điều 28. —**

1. Ủy ban Khoa học và kỹ thuật Nhà nước có trách nhiệm tổ chức chỉ đạo công tác kiểu dáng công nghiệp trong phạm vi cả nước và tiến hành việc bảo hộ pháp

lý các kiểu dáng công nghiệp theo những quy định của Điều lệ này. Cục Sáng chế có trách nhiệm giúp Chủ nhiệm Ủy ban thực hiện nhiệm vụ trên.

2. Các Bộ, các Ủy ban Nhà nước, các cơ quan khác thuộc Hội đồng Bộ trưởng, Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố, đặc khu trực thuộc trung ương có trách nhiệm tổ chức chỉ đạo công tác kiểu dáng công nghiệp trong ngành hoặc địa phương mình.

Cơ quan quản lý khoa học kỹ thuật ngành hoặc địa phương có trách nhiệm giúp Bộ trưởng, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố, đặc khu trực thuộc Trung ương thực hiện nhiệm vụ nêu trên.

3. Các xí nghiệp liên hiệp, các liên hiệp xí nghiệp, công ty, Tổng Công ty thuộc ngành trung ương hoặc địa phương có trách nhiệm tổ chức chỉ đạo và phối hợp hoạt động giữa các xí nghiệp dưới quyền mình nhằm tạo ra các kiểu dáng công nghiệp mới, thực hiện các biện pháp để bảo hộ kịp thời và sử dụng rộng rãi các kiểu dáng công nghiệp đã được bảo hộ vào việc chế tạo các sản phẩm thuộc phạm vi quản lý của mình.

Cơ quan quản lý khoa học kỹ thuật của liên hiệp xí nghiệp, xí nghiệp liên hiệp có trách nhiệm giúp thủ trưởng thực hiện nhiệm vụ nêu trên.

Điều 29. —

1. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm:

a) Tổ chức triển khai công tác kiểu dáng công nghiệp trong cơ quan, đơn vị, coi đó là một bộ phận quan trọng trong công tác cải tiến và nâng cao chất lượng sản phẩm cũng như trong công tác nghiên cứu chế tạo các sản phẩm mới.

b) Tạo mọi điều kiện cần thiết cho cán bộ, công nhân viên trong đơn vị, đặc biệt là những người làm công tác tạo dáng các sản phẩm, các nhà công nghệ tham gia tích cực vào việc nghiên cứu tạo ra những kiểu dáng công nghiệp mới, đáp ứng yêu cầu của sản xuất và công tác của cơ quan, đơn vị.

c) Thực hiện những biện pháp nhằm bảo hộ các kiểu dáng công nghiệp do cán bộ, công nhân viên trong cơ quan, đơn vị sáng tạo ra.

d) Sử dụng rộng rãi và có lợi nhất các kiểu dáng công nghiệp đã được bảo hộ nhằm bảo đảm các sản phẩm sản xuất ra có chất lượng tốt, hình dáng đẹp, hấp dẫn, đáp ứng yêu cầu thẩm mỹ của người tiêu dùng và góp phần thúc đẩy sản xuất hàng hóa.

e) Khen thưởng, động viên kịp thời các tác giả kiểu dáng công nghiệp, những người hỗ trợ tác giả và những người tổ chức sử dụng kiểu dáng công nghiệp mới vào sản xuất theo đúng các quy định của Nhà nước.

2. Các cơ quan, đơn vị được phép chi tiền cho việc thực hiện các hợp đồng chuyển giao quyền sử dụng kiểu dáng công nghiệp. Nguồn kinh phí cho các mục đích trên được trích từ quỹ phát triển sản xuất kinh phí sự nghiệp khoa học kỹ thuật hoặc một nguồn kinh phí thích hợp khác có liên quan.

3. Tổ chức quản lý khoa học kỹ thuật của các cơ quan, đơn vị (phòng kỹ thuật hoặc một tổ chức quản lý kỹ thuật tương đương) có trách nhiệm giúp thủ trưởng cơ quan, đơn vị thực hiện các nhiệm vụ nêu trên.

Chương VI

CÁC ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 30. — Ủy ban Khoa học và kỹ thuật Nhà nước có trách nhiệm ban hành hoặc phối hợp với các cơ quan có liên quan ban hành các thông tư giải thích và hướng dẫn thi hành Điều lệ này.

Điều 31. — Các Bộ trưởng, Chủ nhiệm các Ủy ban Nhà nước, Thủ trưởng các cơ quan khác thuộc Hội đồng Bộ trưởng, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố, đặc khu trực thuộc Trung ương có trách nhiệm hướng dẫn, đôn đốc và kiểm tra việc thực hiện Điều lệ này.

K.T. Hội đồng Bộ trưởng

Quyền Chủ tịch

VÕ VĂN KIẾT

QUYẾT ĐỊNH của Hội đồng Bộ trưởng số 39-HĐBT ngày 24-5-1988 về việc ban hành mẫu số hiệu cảnh sát nhân dân.

HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng Bộ trưởng ngày 4 tháng 7 năm 1981;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nội vụ (công văn số 48-BNV/C28 ngày 18 tháng 3 năm 1988),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. — Giao Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mẫu số hiệu cảnh sát nhân dân và chế độ đeo số hiệu cảnh sát nhân dân.

Điều 2. — Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ban hành và các quy định trước đây trái với Quyết định này đều bị bãi bỏ.

Điều 3. — Bộ trưởng Bộ Nội vụ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

T.M. Hội đồng Bộ trưởng

K.T. Chủ tịch

Phó Chủ tịch

NGUYỄN KHÁNH

CHỦ TỊCH

HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG

CHỈ THỊ của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng số 140-CT ngày 10-5-1988 về việc đẩy mạnh các hoạt động sáng kiến, sáng chế và sở hữu công nghiệp.

Vừa qua Tổng Công đoàn Việt Nam phối hợp với Ủy ban Khoa học và kỹ thuật Nhà nước và Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh đã tổ chức Hội nghị tổng kết công tác tổ chức chỉ đạo phong trào quần chúng phát huy sáng kiến, sáng chế và ứng dụng tiến bộ kỹ thuật 5 năm (1981—1985) và năm 1986.

Hội nghị đã khẳng định được rằng trong những năm qua, phong trào phát